

Số: /TTr-SNN&PTNT

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị chấp thuận nộp tiền và giao vốn trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện dự án Đường Bến En đi trung tâm thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 5253/UBND-NN ngày 17/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thực hiện trình tự, thủ tục nộp tiền trồng rừng thay thế theo đề nghị của UBND huyện Như Thanh, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện các công trình, dự án đầu tư công trên địa bàn huyện Như Thanh. Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình UBND tỉnh chấp thuận nộp tiền và giao vốn trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện dự án Đường Bến En đi trung tâm thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh với các nội dung cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 12: Số 48/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Đường Bến En đi trung tâm thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh; số 385/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 1, năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình

Đường Bến En đi trung tâm thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh;

Căn cứ Quyết định số 179/QĐ/SNN&PTNT ngày 18/5/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán kinh phí đầu tư trồng rừng đặc dụng từ nguồn vốn ủy thác trồng rừng thay thế do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh nộp khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện dự án Đường Bến En đi trung tâm thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh (Đơn vị thực hiện: Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu);

2. Căn cứ về thẩm quyền:

Tại Khoản 4, Điều 2, Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định *“kinh phí trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác do các tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (sau đây gọi là chủ dự án) nộp vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với địa phương chưa thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (sau đây gọi là Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh) theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt”*; theo quy định tại Khoản 2, Điều 4, Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT đối với trường hợp Chủ dự án không tự trồng rừng thay thế: *“Thẩm quyền phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”*.

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định chấp thuận nộp tiền và giao vốn trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện dự án nêu trên là đúng thẩm quyền.

3. Căn cứ thực tiễn:

Khu BTTN Pù Hu nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Thanh Hoá, cách trung tâm Thành phố Thanh Hoá 135 km về phía Tây Bắc, trên đơn vị hành chính của 10 xã, thuộc 2 huyện Quan Hoá và Mường Lát (xã Trung Lý) với diện tích 28.476,42 ha, trong đó: diện tích rừng đặc dụng 24.200,87 ha, rừng sản xuất 4.178,96 ha và đất khác 96,59 ha.

Qua rà soát đến nay trên Khu BTTN Pù Hu còn diện tích đất chưa có rừng được quy hoạch cho rừng đặc dụng thuộc đối tượng trồng rừng thay thế, quy định tại Điều 2, Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT. Mặt khác việc trồng rừng thay thế nhằm phát triển tài nguyên rừng bền vững, bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn tính đa dạng sinh học tại Khu BTTN Pù Hu là phù hợp với thực tiễn.

II. QUÁ TRÌNH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Ngày 03/4/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được văn bản số 98/BQLDA-ĐHDA của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh đề nghị nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện dự án.

2. Ngày 07/4/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT có văn bản số 1585/SNN&PTNT-KL gửi UBND tỉnh đề nghị giao làm chủ đầu tư trồng rừng thay thế đối với kinh phí do UBND huyện Như Thanh và Ban quản lý dự án đầu tư

xây dựng huyện Như Thanh nộp khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện các công trình dự án đầu tư trên địa bàn huyện Như Thanh.

3. Ngày 17/4/2023, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành văn bản số 5253/UBND-NN về việc thực hiện trình tự, thủ tục nộp tiền trồng rừng thay thế theo đề nghị của UBND huyện Như Thanh, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện các công trình, dự án đầu tư công trên địa huyện Như Thanh.

4. Ngày 26/4/2023, Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu đề nghị phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán kinh phí đầu tư trồng rừng đặc dụng từ nguồn vốn ủy thác trồng rừng thay thế năm 2023 tại Khu BTTN Pù Hu (Tờ trình số 185/TTr-BTPH).

5. Ngày 11/5/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT có văn bản số 2201/SNN&PTNT-KL gửi Sở Tài chính, UBND huyện Quan Hóa tham vấn về đề nghị nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Sở Tài chính đã có văn bản tham gia ý kiến số 2649/STC-TCDN ngày 15/5/2023; UBND huyện Quan Hóa đã có văn bản tham gia ý kiến số 1143/UBND-NNPTNT ngày 16/5/2023 (thống nhất với hồ sơ).

III. CÁC NỘI DUNG CHÍNH QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp thuận cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện dự án Đường Bến En đi trung tâm thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, cụ thể như sau:

- Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sang mục đích khác: 0,543 ha.
- Loại rừng, nguồn gốc rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác:
 - + Loại rừng: Rừng sản xuất.
 - + Nguồn gốc rừng: Rừng trồng.
- Đơn giá nộp tiền ủy thác trồng rừng thay thế: 92,221 triệu đồng/ha.
- Tổng số tiền phải nộp (làm tròn): 50,076 triệu đồng (*Viết bằng chữ: Năm mươi triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*).
- Thời gian thực hiện nộp tiền: Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ký ban hành quyết định này.

2. Giao kinh phí trồng rừng thay thế do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh nộp cho Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu và các đơn vị có liên quan để thực hiện trồng rừng đặc dụng theo Quyết định số 179/QĐ-SNN&PTNT ngày 18/5/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán kinh phí đầu tư trồng rừng đặc dụng từ nguồn vốn ủy thác trồng rừng thay thế do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh nộp khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện dự án Đường Bến En đi trung tâm thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh.

- Tổng số kinh phí giao 50,076 triệu đồng (*Viết bằng chữ: Năm mươi triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*).

- Tiến độ giải ngân: Theo phụ biểu số 01 kèm theo.

3. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh có trách nhiệm nộp tiền về Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa để ủy thác trồng rừng thay thế theo quy định tại Điều 79, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Nếu đơn vị không nộp đầy đủ số tiền và đảm bảo đúng thời theo quy định, UBND tỉnh không xem xét việc giao đất, cho thuê đất để triển khai thực hiện dự án nêu trên.

4. Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu tổ chức thực hiện trồng rừng sau khi Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh đã nộp tiền vào Ban quản lý Quỹ bảo vệ, phát triển rừng và PCTT tỉnh theo quy định; thực hiện việc trồng rừng theo đúng hồ sơ thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện trình tự các bước lập, thẩm định, trình phê duyệt hồ sơ lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; hoàn thành các hạng mục kế hoạch được phê duyệt, sử dụng vốn hiệu quả, thanh quyết toán vốn đầu tư theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

5. Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh nộp tiền về Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa; theo dõi, quản lý, kiểm tra, giám sát tình hình thu - chi số tiền nộp của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh để trồng rừng thay thế theo đúng quy định của pháp luật.

6. Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa tiếp nhận, quản lý số tiền trồng rừng thay thế, giải ngân theo khối lượng thực hiện và đúng tiến độ theo quy định để tổ chức trồng rừng thay thế.

(Có dự thảo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh và hồ sơ liên quan kèm theo)

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PGĐ Sở Lê Đức Thuận;
- Lưu: VT, KL.

GIÁM ĐỐC

Cao Văn Cường

**Phụ biểu số 01: Giao vốn trồng rừng thay thế từ nguồn kinh phí do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh
nộp khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện dự án Đường Bến En đi trung tâm thị trấn Bến Sung,
huyện Như Thanh**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-SNN&PTNT ngày /5/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Thời gian	Tổng theo năm	CHỦ ĐẦU TƯ						QLDA CẤP TỈNH			
			Tổng	Chi phí trực tiếp	Chi phí chung	Thu nhập chịu thuế tính trước	Chi phí tư vấn (khảo sát thiết kế)	Chi phí thẩm định	QLDA	Sở NN	Quỹ	Chi cục KL
1	Năm thứ nhất	31.255,0	30.598,0	27.091,0	2.144,0		1.031,0	113,0	219,0	219,0	219,0	219,0
2	Năm thứ 2	8.512,0	8.326,0	8.264,0					62,0	62,0	62,0	62,0
3	Năm thứ 3	4.822,0	4.717,0	4.682,0					35,0	35,0	35,0	35,0
4	Năm thứ 4	5.487,0	5.366,0	2.849,0		2.477,0			40,0	40,0	40,0	41,0
	Tổng cộng	50.076,0	49.007,0	42.886,0	2.144,0	2.477,0	1.031,0	113,0	356,0	356,0	356,0	357,0